

Số: 99 /HD-SKHĐT

Lạng Sơn, ngày 22 tháng 5 năm 2020

HƯỚNG DẪN

VỀ VIỆC ÁP DỤNG ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI HẠNG MỤC, CÔNG TRÌNH THUỘC DỰ ÁN KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2020-2025

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi tắt là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND);

Căn cứ Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình thuộc dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND),

Sau khi thống nhất với các cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn áp dụng định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình thuộc dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025, như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này hướng dẫn về việc áp dụng định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình thuộc dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025 theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND.

2. Đối tượng áp dụng:

Văn bản này chỉ áp dụng đối với Nhà đầu tư có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và Điều 2, Chương I, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

II. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH HỖ TRỢ

1. Nguyên tắc xác định hỗ trợ đầu tư dự án theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP

a) Nhà đầu tư có thể lựa chọn một, một số hoặc toàn bộ các hạng mục, công trình để đề xuất xin hỗ trợ nhưng mức hỗ trợ không vượt quá tỷ lệ phần

trăm hỗ trợ và mức trần hỗ trợ quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP đối với từng loại dự án.

b) Các nội dung hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình không quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

c) Định mức hỗ trợ theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND là định mức tối đa, trường hợp doanh nghiệp đầu tư các hạng mục, công trình có tiêu chuẩn hoặc giá trị thấp hơn theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND thì áp dụng theo tiêu chuẩn và giá trị thực tế đó. Trường hợp tiêu chuẩn hoặc giá trị cao hơn quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND thì áp dụng định mức hỗ trợ tại Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND. Riêng các hạng mục, công trình phát sinh của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa có quy định trong định mức này thì phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung thì mới được tính vào trong dự án, nhưng mức hỗ trợ không vượt mức trần hỗ trợ theo từng loại dự án quy định của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

d) Trường hợp tổng mức đầu tư công trình hoặc hạng mục công trình nhận hỗ trợ nhân (x) với tỷ lệ hỗ trợ cụ thể theo quy định của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP nhỏ hơn mức hỗ trợ tối đa thì doanh nghiệp được nhận hỗ trợ bằng với mức hỗ trợ đó. Trường hợp tổng mức đầu tư công trình hoặc hạng mục công trình nhận hỗ trợ nhân (x) với tỷ lệ hỗ trợ lớn hơn mức hỗ trợ tối đa quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP thì doanh nghiệp được nhận hỗ trợ bằng với mức hỗ trợ tối đa quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

e) Nhà đầu tư được áp dụng định mức hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí và điều kiện hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và các quy định của pháp luật liên quan.

2. Nguyên tắc xác định hỗ trợ đầu tư dự án theo quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND

a) Nhà đầu tư có thể lựa chọn một, một số hoặc toàn bộ các hạng mục, công trình để đề xuất xin hỗ trợ nhưng mức hỗ trợ không vượt quá tỷ lệ phần trăm hỗ trợ và mức trần hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND đối với từng loại dự án.

b) Các nội dung hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình không quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

c) Định mức hỗ trợ theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND là định mức tối đa, trường hợp doanh nghiệp đầu tư các hạng mục, công trình có tiêu chuẩn hoặc giá trị thấp hơn theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND thì áp dụng theo tiêu chuẩn và giá trị thực tế đó. Trường hợp tiêu chuẩn hoặc giá trị cao hơn quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND thì áp dụng định mức hỗ trợ tại Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND. Riêng các hạng mục, công trình phát sinh của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa có quy định trong định mức này thì phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung thì

mới được tính vào trong dự án, nhưng mức hỗ trợ không vượt mức trần hỗ trợ theo từng loại dự án quy định của Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

d) Trường hợp tổng mức đầu tư công trình hoặc hạng mục công trình nhận hỗ trợ nhân (x) với tỷ lệ hỗ trợ cụ thể theo quy định của Nghị định Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND nhỏ hơn mức hỗ trợ tối đa thì doanh nghiệp được nhận hỗ trợ bằng với mức hỗ trợ đó. Trường hợp tổng mức đầu tư công trình hoặc hạng mục công trình nhận hỗ trợ nhân (x) với tỷ lệ hỗ trợ lớn hơn mức hỗ trợ tối đa quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND thì doanh nghiệp được nhận hỗ trợ bằng với mức hỗ trợ tối đa quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

e) Nhà đầu tư được áp dụng định mức hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí và điều kiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND và các quy định của pháp luật liên quan.

3. Phương pháp (cách) tính kinh phí hỗ trợ từng hạng mục, công trình

$$A = N \times B \times C$$

Trong đó:

A: Kinh phí hỗ trợ;

N: Là khối lượng thực hiện như số (km) chiều dài đường dây điện, số trạm biến áp, số diện tích (m²) mặt đường giao thông; số diện tích sàn của nhà xưởng; số chiều dài đường ống cung cấp nước sạch; số dung tích (m³) bể (hồ) xử lý chất thải; số máy bơm, số diện tích (m²) xây dựng đồng ruộng.

B: Định mức hỗ trợ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND.

C: Tỷ lệ hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

Ví dụ: Dự án đầu tư xây dựng cơ sở bảo quản nông sản của doanh nghiệp A thuộc đối tượng được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND với các hạng mục đầu tư xây dựng thuộc hạng mục được hưởng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND là: Đường dây trung thế đến trạm biến áp của dự án (dài 5 km), 01 trạm biến áp (50-100KV), nhà xưởng nhà cấp IV cao từ 5 m trở lên (diện tích sàn 130 m²); đường giao thông bê tông xi măng (dài 500m, rộng 3,5m = 1750 m²) được xác định kinh phí hỗ trợ như sau:

- Kinh phí hỗ trợ xây dựng đường dây trung thế đến trạm biến áp của dự án (dài 5 km):

$$(1) = 5 \times 130.000.000 \times 0,7 = 455.000.000 \text{ VNĐ}$$

- Kinh phí hỗ trợ xây dựng 01 trạm biến áp (50-100KV):

$$(2) = 1 \times 120.000.000 \times 0,7 = 84.000.000 \text{ VNĐ}$$

- Kinh phí hỗ trợ xây dựng nhà xưởng (130m²):

$$(3) = 130 \times 1.300.000 \times 0,7 = 118.300.000 \text{ VNĐ}$$

- Kinh phí hỗ trợ xây dựng đường giao thông bê tông xi măng:

$$(4) = 1750 \times 230.000 \times 0,7 = 281.750.000 \text{ VNĐ}$$

Tổng kinh phí hỗ trợ dự án của doanh nghiệp A là:

$$(1) + (2) + (3) + (4) = 939.050.000 \text{ VNĐ.}$$

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trong quá trình tổ chức thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc, nhà đầu tư, cơ quan có liên quan cần kịp thời báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố LS;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng: THKTXH, QLĐTC;
- Lưu: VT, QLĐTNNNS.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Chiến